

BA		
分區	代號	人數
大埔	TP	7
屯門	TM	6
何文田	HMT	7
沙田	ST	8
柴灣	CW	7
荃灣	TW	7
灣仔	WC	6
觀塘	KT	7
總數		55

男A賽事：2018.12.01 (六) 各小組賽至決出8強。

每小組首名出線

男A-A組	
1	李祖東 TW
2	陳康楠 CW
3	陳政希 ST
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-A1	1-Dec	14:15	陳康楠 CW	vs	陳政希 ST
1-3	BA-A2	1-Dec	15:05	李祖東 TW	vs	陳政希 ST
1-2	BA-A3	1-Dec	15:55	李祖東 TW	vs	陳康楠 CW
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-B組	
1	李梓銓 KT
2	彭昊章 WC
3	林佳楠 TP
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-B1	1-Dec	14:15	彭昊章 WC	vs	林佳楠 TP
1-3	BA-B2	1-Dec	15:05	李梓銓 KT	vs	林佳楠 TP
1-2	BA-B3	1-Dec	15:55	李梓銓 KT	vs	彭昊章 WC
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-C組	
1	劉梓俊 TM
2	鄭立賢 TW
3	區健熙 CW
4	彭凱傑 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-C1	1-Dec	14:15	劉梓俊 TM	vs	彭凱傑 TP
2-3	BA-C2	1-Dec	14:15	鄭立賢 TW	vs	區健熙 CW
1-3	BA-C3	1-Dec	15:05	劉梓俊 TM	vs	區健熙 CW
2-4	BA-C4	1-Dec	15:05	鄭立賢 TW	vs	彭凱傑 TP
1-2	BA-C5	1-Dec	15:55	劉梓俊 TM	vs	鄭立賢 TW
3-4	BA-C6	1-Dec	15:55	區健熙 CW	vs	彭凱傑 TP

男A-D組	
1	商晉璋 HMT
2	施宇浚 KT
3	江晉艇 ST
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-D1	1-Dec	14:15	施宇浚 KT	vs	江晉艇 ST
1-3	BA-D2	1-Dec	15:05	商晉璋 HMT	vs	江晉艇 ST
1-2	BA-D3	1-Dec	16:20	商晉璋 HMT	vs	施宇浚 KT
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-E組	
1	高俊傑 HMT
2	單禎晞 WC
3	廖銘峰 ST
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-E1	1-Dec	14:15	單禎晞 WC	vs	廖銘峰 ST
1-3	BA-E2	1-Dec	15:05	高俊傑 HMT	vs	廖銘峰 ST
1-2	BA-E3	1-Dec	16:20	高俊傑 HMT	vs	單禎晞 WC
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-F組	
1	陳彥朗 TW
2	梁偉南 TM
3	樊匡堯 KT
4	楊浩禮 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-F1	1-Dec	14:15	陳彥朗 TW	vs	楊浩禮 TP
2-3	BA-F2	1-Dec	14:15	梁偉南 TM	vs	樊匡堯 KT
1-3	BA-F3	1-Dec	15:05	陳彥朗 TW	vs	樊匡堯 KT
2-4	BA-F4	1-Dec	15:30	梁偉南 TM	vs	楊浩禮 TP
1-2	BA-F5	1-Dec	16:20	陳彥朗 TW	vs	梁偉南 TM
3-4	BA-F6	1-Dec	16:20	樊匡堯 KT	vs	楊浩禮 TP

男A-G組	
1	梁榮基 HMT
2	張家寶 TM
3	張栢豪 CW
4	胡皓朗 KT
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-G1	1-Dec	14:15	梁榮基 HMT	vs	胡皓朗 KT
2-3	BA-G2	1-Dec	14:15	張家寶 TM	vs	張栢豪 CW
1-3	BA-G3	1-Dec	15:30	梁榮基 HMT	vs	張栢豪 CW
2-4	BA-G4	1-Dec	15:30	張家寶 TM	vs	胡皓朗 KT
1-2	BA-G5	1-Dec	16:20	梁榮基 HMT	vs	張家寶 TM
3-4	BA-G6	1-Dec	16:20	張栢豪 CW	vs	胡皓朗 KT

男A-H組	
1	楊仲軒 TW
2	鄺梓灝 ST
3	陳康湛 WC
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-H1	1-Dec	14:40	鄺梓灝 ST	vs	陳康湛 WC
1-3	BA-H2	1-Dec	15:30	楊仲軒 TW	vs	陳康湛 WC
1-2	BA-H3	1-Dec	16:20	楊仲軒 TW	vs	鄺梓灝 ST
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-J組	
1	羅上程 HMT
2	陳舉軒 TP
3	蔡錦滔 KT
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-J1	1-Dec	14:40	陳舉軒 TP	vs	蔡錦滔 KT
1-3	BA-J2	1-Dec	15:30	羅上程 HMT	vs	蔡錦滔 KT
1-2	BA-J3	1-Dec	16:20	羅上程 HMT	vs	陳舉軒 TP
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-K組	
1	陳柏希 TW
2	馮諾禮 WC
3	陳浩璟 CW
4	許獻 ST
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-K1	1-Dec	14:40	陳柏希 TW	vs	許獻 ST
2-3	BA-K2	1-Dec	14:40	馮諾禮 WC	vs	陳浩璟 CW
1-3	BA-K3	1-Dec	15:30	陳柏希 TW	vs	陳浩璟 CW
2-4	BA-K4	1-Dec	15:30	馮諾禮 WC	vs	許獻 ST
1-2	BA-K5	1-Dec	16:20	陳柏希 TW	vs	馮諾禮 WC
3-4	BA-K6	1-Dec	16:20	陳浩璟 CW	vs	許獻 ST

男A-L組	
1	胡朗庭 CW
2	麥力丰 HMT
3	楊成康 WC
4	成駿賢 KT
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-L1	1-Dec	14:40	胡朗庭 CW	vs	成駿賢 KT
2-3	BA-L2	1-Dec	14:40	麥力丰 HMT	vs	楊成康 WC
1-3	BA-L3	1-Dec	15:30	胡朗庭 CW	vs	楊成康 WC
2-4	BA-L4	1-Dec	15:30	麥力丰 HMT	vs	成駿賢 KT
1-2	BA-L5	1-Dec	16:45	胡朗庭 CW	vs	麥力丰 HMT
3-4	BA-L6	1-Dec	16:45	楊成康 WC	vs	成駿賢 KT

男A-M組	
1	陳允祈 TM
2	黃煒傑 ST
3	王佚汎 TP
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-M1	1-Dec	14:40	黃煒傑 ST	vs	王佚汎 TP
1-3	BA-M2	1-Dec	15:30	陳允祈 TM	vs	王佚汎 TP
1-2	BA-M3	1-Dec	16:45	陳允祈 TM	vs	黃煒傑 ST
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-N組	
1	李厚良 TW
2	劉梓諾 TM
3	王子恒 CW
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-N1	1-Dec	14:40	劉梓諾 TM	vs	王子恒 CW
1-3	BA-N2	1-Dec	15:55	李厚良 TW	vs	王子恒 CW
1-2	BA-N3	1-Dec	16:45	李厚良 TW	vs	劉梓諾 TM
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE

男A-P組	
1	譚旻軒 HMT
2	黃旭謙 KT
3	馬天正 ST
4	梁耀中 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-P1	1-Dec	14:40	譚旻軒 HMT	vs	梁耀中 TP
2-3	BA-P2	1-Dec	14:40	黃旭謙 KT	vs	馬天正 ST
1-3	BA-P3	1-Dec	15:55	譚旻軒 HMT	vs	馬天正 ST
2-4	BA-P4	1-Dec	15:55	黃旭謙 KT	vs	梁耀中 TP
1-2	BA-P5	1-Dec	16:45	譚旻軒 HMT	vs	黃旭謙 KT
3-4	BA-P6	1-Dec	16:45	馬天正 ST	vs	梁耀中 TP

男A-Q組	
1	黃衍傑 TW
2	謝展程 TM
3	麥思恆 ST
4	白健宏 TP
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
1-4	BA-Q1	1-Dec	15:05	黃衍傑 TW	vs	白健宏 TP
2-3	BA-Q2	1-Dec	15:05	謝展程 TM	vs	麥思恆 ST
1-3	BA-Q3	1-Dec	15:55	黃衍傑 TW	vs	麥思恆 ST
2-4	BA-Q4	1-Dec	15:55	謝展程 TM	vs	白健宏 TP
1-2	BA-Q5	1-Dec	16:45	黃衍傑 TW	vs	謝展程 TM
3-4	BA-Q6	1-Dec	16:45	麥思恆 ST	vs	白健宏 TP

男A-R組	
1	林明樂 WC
2	陶展泓 CW
3	鄭天穎 HMT
4	BYE
5	BYE

配對	場次	日期	時間	對賽		
2-3	BA-R1	1-Dec	15:05	陶展泓 CW	vs	鄭天穎 HMT
1-3	BA-R2	1-Dec	15:55	林明樂 WC	vs	鄭天穎 HMT
1-2	BA-R3	1-Dec	16:45	林明樂 WC	vs	陶展泓 CW
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE
				BYE	vs	BYE